

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-11-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- ông Trần Thành Hiệp
- ông Bùi Văn Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ro D, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ro S, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ro D trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Ro S kết hôn năm 2019, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 07/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa bà và ông Ro S bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa, cuộc sống hôn nhân

của ông bà không hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Ro S nên yêu cầu được ly hôn với ông Ro S.

- Về con chung: có một con chung tên Ro Y S, sinh ngày 21/9/2012. Hiện cháu Ro Y S đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Ro S cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Ro S nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2022 cháu Ro Y S trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

\* Tại phiên tòa:

- Bà Ro D có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Ông Ro S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Ro D được quyền ly ông Ro S. Bà Ro D được quyền nuôi con chung tên Ro Y S, sinh ngày 21/9/2012, ông Ro S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa bà Ro D và ông Ro S là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 02/8/2022 của Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Ro S đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* nguyên đơn bà Ro D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Ro S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật

tổ tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Ro D và ông Ro S kết hôn năm 2019, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 07/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Ro D và ông Ro S được đoàn tụ, nhưng bà Ro D cương quyết ly hôn, ông Ro S đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ro D, điều này chứng tỏ ông Ro S cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Ro D. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ro D.

2.2 Về con chung: bà Ro D và ông Ro S có một con chung tên Ro Y S, sinh ngày 21/9/2012, hiện cháu Ro Y S đang do bà Ro D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ro D yêu cầu được quyền nuôi con chung khi ly hôn, cháu Ro Y S cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Ro Y S còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ro D được quyền nuôi con chung tên Ro Y S, sinh ngày 21/9/2012.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Ro D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông Ro S.

2.4 Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Ro D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ro D.

1. Về hôn nhân: bà Ro D được ly hôn ông Ro S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 07/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: bà Ro D được quyền nuôi con chung tên Ro Y S, sinh ngày 21/9/2012.

Ông Ro S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: bà Ro D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002596 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: bà Ro D và ông Ro S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**